

Số: 490/TB-TTYT
V/v Báo giá danh mục mua sắm bổ
sung thiết bị y tế năm 2024

Lộc Hà, ngày 23 tháng 10 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế huyện Lộc Hà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm bổ sung thiết bị y tế năm 2024 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỘC HÀ

Địa chỉ: Thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Hồ Thị Lệ Thu – Khoa Dược TBYT;

Sdt: 0946498333; Email: holethu992@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược TTB-VTTYT – Trung tâm Y tế huyện Lộc Hà – Thị trấn Lộc Hà – Huyện Lộc Hà – Hà Tĩnh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h30 ngày 24 tháng 10 năm 2024 đến trước 17h30 ngày 06 tháng 11 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Báo giá Danh mục mua sắm bổ sung thiết bị y tế năm 2024 (có Phụ lục Danh mục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bàn giao, nghiệm thu, lắp đặt tại các trạm y tế xã, thị trấn trực tiếp sử dụng trang thiết bị y tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website đơn vị;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Đương Hùng Anh

Mẫu báo giá
BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....., chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các danh mục mua sắm mới y dụng cụ như sau:

1. Báo giá cho thiết bị y tế:

STT	Tên thiết bị y tế	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thiết bị A									
n	.									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp



PHỤ LỤC: Danh mục mua sắm bổ sung thiết bị y tế năm 2024 yêu cầu báo giá
(Kèm theo Yêu cầu cấu tạo báo giá số TM-TTYYT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Lộc Hà)

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
1	Nồi hấp y dụng cụ	Cái	9	- Thể tích buồng: 16 lít (Ø 230 x 410 mm) - Vật liệu bằng thép không gỉ. - Đồng hồ kim hiển thị nhiệt độ/áp suất - Cài đặt thời gian tiệt trùng: 18, 33 phút - Thang nhiệt độ/áp suất: 1220C(1.4 kg/cm2) - Van an toàn áp suất: 1.7 kg/cm2 - Có chứng năng bảo vệ quá nhiệt, quá áp, quá dòng. - Có công tắc xả khẩn cấp. - Kích thước ngoài: 600 x 335 x 430 mm - Trọng lượng: 15.5 kg - Nguồn điện: 220V/50-60 H
2	Tủ sấy dụng cụ 30 lít	Cái	7	- Thể tích: 30 lít - Nhiệt độ sấy: 50oC – 250oC - Nguồn điện: AC 220V – 50Hz. Công suất: 1200W - Hẹn giờ: 0 – 60phút - Chế độ sấy: 3 chế độ: trên - dưới - toàn phần
3	Tủ sấy dụng cụ 33 lít	Cái	1	- Thể tích: 33 lít - Kích thước khoang sấy: 40.4*31.1*26.4cm - Cài đặt nhiệt độ: 50-250 độ C - Chế độ sấy: Trên - dưới - toàn phần - Cài đặt thời gian: 0-90 phút - Nguồn điện: AC 220V-50Hz. Công suất 1450W

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
4	Bình Oxy 40L	Bình	4	- Thể tích 40L - Chiều cao: 1260 mm - Đường kính: 229 mm - Khối lượng: 55 kg (+5%) - Áp suất làm việc: 150 bar = 150 kg/cm² - Van QF-2D - Nạp khí Argon trên giàn cao áp, không lẫn bụi bẩn, tạp chất. Khí Argon tinh khiết >99.98 %
5	Bình Oxy 10L	Bình	1	- Thể tích 10 lít - Chiều cao: 900 mm - Đường kính: 130 mm - Khối lượng: 13.8 kg (+5%) - Áp suất làm việc: 150 bar = 150 kg/cm² - Chất liệu: 30 CrMo - Van QF-2D - Nạp khí ARGON tinh khiết tên giàn cao áp, không lẫn bụi bẩn tạp chất. Khí ARGON tinh khiết 99.98%
6	Cụm đồng hồ Oxy	Bộ	5	- Chất liệu: đồng thau - Áp suất đầu vào: 15Mpa - Kết nối G5/8 - Áp suất đầu ra: 0.2-0.3Mpa - Van an toàn: 0.35±0.05Mpa - Tốc độ dòng chảy: 1-15L/ phút
7	Huyết áp đồng hồ người lớn	Bộ	6	- Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg - Độ chính xác ± 3mmHg - Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá - Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao

Y T
HUY
LỘC

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
8	Huyết áp đồng hồ trẻ em	Bộ	4	- Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20mmHg đến 300mmHg - Độ chính xác $\pm 3\text{mmHg}$ - Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hóa - Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hóa
9	Nhiệt ẩm kế	Cái	1	- Thiết bị hình tròn: Phi 20cm - Độ dày: 2.2 cm - Giá chia vạch: 20 độ C (nhiệt độ), 5% (độ ẩm) - Khoảng đo: -20-40 độ C (nhiệt độ), 10-90% (độ ẩm) - Độ chính xác nhiệt độ: ± 1 độ C - Độ chính xác độ ẩm: $\pm 2\%$
10	Bàn tiểu phẫu Inox	Cái	4	- Kích thước: W2000 x D650 x H800 mm - Chất liệu: - Khung inox - Đệm bọc PVC
11	Cọc truyền dịch	Cái	2	- Kích thước: W460 x D460 x H (1500-1800) mm - Chất liệu: Khung Inox
12	Giường bệnh nhân Inox	Cái	2	- Kích thước: W2050 x D900 x H1650 mm - Chất liệu: thép sơn tĩnh điện hoặc Inox toàn bộ- Chân giường ống Ø 31.8mm sử dụng bánh xe, có hệ thống phanh hãm khi để giường cố định.
13	Bộ dụng cụ tiểu phẫu (12 chi tiết)	Bộ	2	Gồm 12 chi tiết. Chất liệu thép không gỉ

11/10/2023

STT	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
14	Bóp bóng trẻ em	Bộ	1	• Trọng lượng cơ thể: 10KG~30KG • Thể tích nhát bóp: $\geq 150\text{ml}$ • Thể tích ampu bóp bóng: $550\text{ml} \pm 200\text{ml}$ • Kích thước (Chiều dài x Đường kính): $146\text{mm} \times 100\text{mm}$ • Van giới hạn áp suất: $35\text{cmH}_2\text{O} - 50\text{cmH}_2\text{O}$ • Không gian chết (van bệnh nhân): $\leq 20\text{ml}$ • Sức đề kháng hít vào: $\leq 5\text{cmH}_2\text{O}$ (ở 50 L/phút) • Sức đề kháng thở ra: $\leq 5\text{cmH}_2\text{O}$ (ở 50 L/phút) • Khối lượng túi chứa: 1600ml • Đầu nối bệnh nhân: ISO5356-1: 022/15mm
15	Bóp bóng người lớn	Bộ	1	• Trọng lượng cơ thể: $\geq 40\text{kg}$ • Thể tích nhát bóp: $\geq 600\text{ml}$ • Thể tích ampu bóp bóng: $1500\text{ml} \pm 200\text{ml}$ • Kích thước (Chiều dài x Đường kính): $212\text{mm} \times 131\text{mm}$ • Van giới hạn áp suất: $40\text{cmH}_2\text{O} - 60\text{cmH}_2\text{O}$ • Không gian chết (van bệnh nhân): $\leq 65\text{ml}$ • Sức đề kháng hít vào: $\leq 5\text{cmH}_2\text{O}$ (ở 50 L/phút)
	15 khoản			